

©TU VIỆN VÔ LƯỢNG THỌ

CÁC KINH TỤNG

và

**NGHI THỨC THÔNG DỤNG
HẰNG NGÀY**



NGHI THỨC CÚNG NGỌ

o0o

NIỆM HƯƠNG LỄ BÁI

o0o

(Lúc 10 giờ trưa - Thắp đèn đốt trầm xong, toàn thể đứng ngay ngắn, chắp tay để ngang ngực mặt niệm)

TỊNH PHÁP GIỚI CHƠN NGÔN:

Oṃ laṃ svāha. (3 lần)

TỊNH TAM NGHIỆP CHƠN NGÔN:

Oṃ svabhavaśuddhā sarvadharmā, svabhavaśuddho' haṃ. (3 lần)

(tất cả các pháp vốn tự tánh thanh tịnh. Tôi tự tánh thanh tịnh)

(Nếu có niệm hương -

Vị chủ lễ thắp 3 cây hương quỳ ngay thẳng, cầm hương ngang trán, niệm lớn bài cúng hương)

CÚNG HƯƠNG

Weihrauchopferung

Nguyện mây hương màu này,

Möge diese wunder wirkende Weihrauchwolke,

Biến khắp mười phương giới,

Sich in die Welt der zehn Richtungen ausbreiten,

Cúng dường tất cả Phật,

Opfergabe an alle Buddhas,

Tôn Pháp, chúng Bồ tát,

An den Erhabenen Dharma, an die Versammlung der Bodhisattvas,

Vô biên Chúng Thanh văn,

*An die Grenzenlose Versammlung der Arhats,
Cùng tất cả Thánh Hiền,
Zusammen an alle heiligen Weisen,
Từ nơi đài sáng chói,
Welche von dem strahlend glänzenden Thron,
Làm Phật sự đúng Pháp:
Buddha-Aktivität mittels wahren Dharma ausführen:
Rộng dạy khắp chúng sinh,
Sie übertragung die Lehre an alle Lebewesen,
Đều phát tâm Bồ đề,
eröffnen allen den Geist der Erwachens,
Xa rời các vọng nghiệp,
Halten alle fern von jeglichem illusorischem Karma,
Trọn thành Đạo vô thượng.
Um den vollkommenen unübertroffenen Pfad zu verwirklichen.*

TÁN DƯƠNG PHẬT BẢO

Buddha Lobpreisung

Đấng Pháp Vương vô thượng,
ehrwürdig größter Dharma König,
Ba cõi chẳng ai bằng,
unvergleichlich in den drei Bereichen,
Thầy dạy cả trời người,
Lehrer der Götter und Menschen,
Cha lành của bốn loại,
gütiger Vater für die Lebewesen der vier Geburtsformen,

Nơi một niệm quy y,

wo durch einen Moment Zuflucht nehmen,

Tận diệt nghiệp ba đời,

alles Karma der drei Zeiten gereinigt wird,

Xưng dương cùng tán thán,

Die Lobpreisung an dich,

Ước kiếp không cùng tận.

wird in unendlichen Zeiten nie enden.

QUÁN TƯỚNG

Visualisation

Người lễ, Đối tượng, tánh rỗng lặng,

Subjekt und Objekt der Verehrung sind ihrer Natur nach leer und still,

Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn,

Ihre geistige Verbindung ist unbeschreiblich und unvorstellbar,

Đạo tràng này như châu lưới trời,

Das Mandala, in dem ich mich nun befinde, ist wie das Juwelen-Netz Indras,

Chư Phật mười phương hiện trong đó,

Alle Buddhas der zehn Richtungen spiegeln sich in jedem Juwel wieder,

Mỗi thân con hiện trước mỗi Phật,

Mein eigener Körper erscheint nun in der selben Vielzahl vor allen Buddhas,

Đầu mặt đánh lễ chân Thế Tôn.

Mit dem Gesicht die Füße der Buddhas berührend, zum wahren Leben zurückkehrend,
verneige ich mich.

Nhất tâm đảnh lễ: Nam mô tận hư không, biến pháp giới, quá hiện vị lai, thập phương chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng, thường trú Tam Bảo. (1 lạy)

Aus tiefstem Herzen verneige ich mich: Verehrung den Buddhas, der Vergangenheit, Gegenwart, Zukunft und der zehn Richtungen, dem erhabenen Dharma und dem gütigen Sangha, den drei Juwelen, die das gesamte Universum und den Dharmadhatu durchdringen.

Nhất tâm đảnh lễ: Nam mô Ta Bà Giáo chủ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Hộ Pháp chư Tôn Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát. (1 lạy)

Verehrung dem Begründer der Lehre der Samsara-Welt Guru Shakyamuni Buddha, Maitreya dem Buddha der Zukunft, Manjushri dem Bodhisattva der großen Weisheit, Samantabhadra dem Bodhisattva der großen Aktivität, den ehrwürdigen Bodhisattvas, den Dharmabeschützern, der höchsten Versammlung von Buddhas und Bodhisattvas auf dem Berg Grdhrakuta.

Nhất tâm đảnh lễ: Nam mô Đông Phương Giáo Chủ Mãn Nguyệt Từ Dung, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật, Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát, Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Phật Mẫu Đại Thánh Chấn Đề Vương Bồ Tát, Dược Sư Hội Thượng Phật Bồ Tát. (1 lạy)

*Verehrung östliche Welt, Medizin Buddha**

Nhất tâm đảnh lễ: Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải chúng Bồ Tát. (1 lạy)

Verehrung dem gütigen und mitfühlenden Buddha Amitabha in der westlichen Welt, Avalokitesvara dem Bodhisattva des großen Mitgefühls, Mahasthamaprapta dem Bodhisattva der Kraft und Weisheit, Ksitigarbha dem Bodhisattva der großen Gelübde, den Bodhisattvas der ozeangleichen Versammlung.

Con xưa vốn tạo các vọng nghiệp, đều do vô trí tham sân si, từ thân miệng ý phát sanh ra, nay trước Phật đài cầu sám hối. Nhất tâm đảnh lễ: Nam Mô Sám Ma Chủ Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. (1 lạy)

*Ich habe seit anfangsloser Zeit unwirkliches Karma angesammelt, alles wegen unendlicher Gier, Hass und Verblendung, entstanden durch Körper, Rede und Geist, heute möchte ich vor Buddha alles bereinigen.
Aus tiefstem Herzen verneige ich mich: Namo Herr der Bereinigung Akasagarbha Bodhisattva Mahasattva.*

Con xưa vốn tạo các vọng nghiệp, đều do vô trí tham sân si, từ thân miệng ý phát sanh ra, tất cả tội chướng nay sám hối. Nhất tâm đảnh lễ: Nam Mô Sám Ma Chủ Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. (1 lạy)

Ich habe seit anfangsloser Zeit unwirkliches Karma angesammelt, alles wegen unendlicher Gier, Hass und Verblendung, entstanden durch Körper, Rede und Geist, heute möchte ich vor Buddha alle unheilsamen Hindernisse bereinigen. Aus tiefstem Herzen verneige ich mich: Namo Herr der Bereinigung Akasagarbha Bodhisattva Mahasattva

Con xưa vốn tạo các vọng nghiệp, đều do vô trí tham sân si, từ thân miệng ý phát sanh ra, tất cả tội căn nay sám hối. Nhất tâm đảnh lễ: Nam Mô Sám Ma Chủ Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. *(1 lạy)*

Ich habe seit anfangsloser Zeit unwirkliches Karma angesammelt, alles wegen unendlicher Gier, Hass und Verblendung, entstanden durch Körper, Rede und Geist, heute möchte ich vor Buddha alle Wurzeln von unheilsamen Taten bereinigen. Aus tiefstem Herzen verneige ich mich: Namo Herr der Bereinigung Akasagarbha Bodhisattva Mahasattva

(Đứng ngay, vô chuông mõ và đồng tụng)

TÁN HƯƠNG

Hương tài nhiệt,

Weihrauch erwärmt sich,

Lư phần bảo đảnh trung,

in der Mitte der Opferschale,

Chiên đàn trầm nhũ chân kham cúng,

Sandelholz wird mit reinem Herzen geopfert,

Hương yên liêu nhiễu Liên Hoa động,

Weihrauch zieht zur Lotus-Höhle,

Chư Phật Bồ Tát hạ Thiên cung,

Die Buddhas und Bodhisattvas steigen aus der Götterwelt herab,

Thiên Thai sơn La Hán,

und die Arhats kommen vom Berg,

Lai thọ nhơn gian cúng. *(3 lần)*

in die Welt um die Opfergaben anzunehmen.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát .

(3 lần)

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

oOo

Khi ngài Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành sâu xa Pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa, ngài soi thấy năm uẩn đều không, qua hết thủy khổ ách.

Während der edle Bodhisattva Avalokitesvara in der Essenz der Vollkommenheit der Weisheit verweilte erkannte er, dass die fünf Skhandas leer sind und so überwand er alles Leid und Unheil.

“Này ông Xá Lợi Phất, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng đều như thế”.

Sariputra, Form ist nicht verschieden von Leerheit, Leerheit ist nicht verschieden von Form. Form ist Leerheit und Leerheit ist Form. Mit Empfindungen, Unterscheidungen, Gestaltenden Faktoren und Bewußtheit verhält es sich ebenso.

“Này ông Xá Lợi Phất, ‘tướng Không của mọi pháp’ không sanh, không diệt, không dơ, không sạch, không thêm, không bớt.

Sariputra, Alle Phänomene haben das Merkmal der Leerheit, Sie entstehen nicht, sie vergehen nicht, sind weder befleckt noch unbefleckt, nehmen weder zu noch nehmen sie ab.

Nên trong ‘Chân Không’ không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Desshalb gibt es in der Leerheit keine Form, keine Empfindungen, keine Unterscheidung, keine Gestaltenden Faktoren und kein Bewußtsein. Es gibt keine Augen, keine Ohren, eine Nase, keine Zunge, keinen Körper, keinen Geist; Es gibt nichts Sichtbares, keine Töne, keine Gerüche, keine Geschmäcke, nichts Tastbares, keine Phänomene.

Không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới, không có vô minh, cũng không có cái hết vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có cái hết già chết.

Es gibt keine Bereiche: keine Bereiche des Sichtbaren bis hin zu keinen Bereichen des Geistigen Bewusstseins.

Es gibt keine Glieder des Abhängigen entstehens: keine Unwissenheit und kein aufhören der Unwissenheit, bis hin zu kein Alter und Tod und kein Aufhören von Alter und Tod.

không có khổ, tập, diệt, đạo. không có trí tuệ, cũng không có chứng đắc.

Es gibt Kein Leid, keinen Ursprung, keine Beendigung und keinen Pfad. Es gibt keine Weisheit und kein Erlangen

Nên Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, tâm không ngăn ngại.

Weil es kein Erlangen gibt ist der Bodhisattva gestützt auf die Essenz der Vollkommenheit der Weisheit in seinem Geist ungehindert.

Vì không ngăn ngại, nên không sợ hãi, xa hẳn điên đảo, mộng tưởng, đạt tới cứu cánh Niết Bàn.

Weil er ungehindert ist hat er keine Furcht. Er entfernt die Verwirrung und Illusionen und erreicht so das Vollkommene Nirvana.

Chư Phật trong ba đời cũng y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, được đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Alle Buddhas der drei Zeiten erlangen gestützt auf die Essenz der Vollkommenheit der Weisheit, die unübertroffene, vollkommene Erleuchtung.

Nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, trừ được hết thủy khổ, chân thật không hư.”

Ist die Essenz der Vollkommenheit der Weisheit verstanden, dieses große magische Mantra, dieses große leuchtende Mantra, dieses unübertroffene Mantra, dieses unvergleichliche Mantra, kann alles Leid überwunden werden, dies ist wahr und nicht falsch.

Vì vậy, liền nói chú Bát Nhã Ba La Mật Đa:

Darum rezitiere man das Mantra der der Vollkommenheit der Weisheit:

Tadyathā Gate Gate Pāragate Pārasaṃgate Bodhi Svāhā”. *(3 lần)*

Trên trời dưới trời ai bằng Phật?

Über und unter dem Himmel ist keiner wie Buddha,

Mười phương thế giới cũng không sánh,

Die Welten der zehn Richtungen sind kein Vergleich,

Thế gian có gì con đều thấy,

alles von dieser Welt was ich schon gesehen habe,

Tất cả đều không bằng Thế Tôn.

ist nicht vergleichbar mit Bhagavan.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. *(3 lần)*

Vehrerung dem Guru Shakyamuni Buddha.

(Tiếp đọc bài Đại cúng dường)

Cúng dường:

Nam mô thường trụ thập phương Phật.

Verehrung den beständig verweilenden Buddhas der zehn Himmelsrichtungen.

Nam mô thường trụ thập phương Pháp.

Verehrung den beständig verweilenden Dharmas der zehn Himmelsrichtungen.

Nam mô thường trụ thập phương Tăng.

Verehrung den beständig verweilenden Sanghas der zehn Himmelsrichtungen.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Verehrung dem Guru Shakyamuni Buddha.

Nam mô Cực lạc thế giới A Di Đà Phật.

Verehrung dem Sukhavati Reinen Land Amitabha Buddha.

Nam mô Đương lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật.

Verehrung dem Buddha der Zukunft Maitreya.

Nam mô Thập phương Tam thế nhất thiết chư Phật.

Verehrung allen Buddhas der zehn Himmelsrichtungen und drei Zeiten.

Nam mô Đại trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Verehrung Manjushri, dem Bodhisattva der großen Weisheit.

Nam mô Đại hạnh Phổ Hiền Bồ Tát.

Verehrung Samantabhadra dem Bodhisattva der großen Taten.

Nam mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Verehrung dem Bodhisattva Avalokitesvara.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Verehrung dem Bodhisattva Vajraphani.

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Verehrung dem Bodhisattva Ksitigarba.

Nam mô Hộ Pháp chư Tôn Bồ Tát.

Verehrung den Dhammapala Bodhisattvas

Nam mô Già lam Thánh chúng Bồ Tát.

Verehrung allen versammelten Bodhisattva-Götter der Praxisorte.

Nam mô Lịch đại Tổ sư Bồ Tát.

Verehrung allen patriarch Bodhisattvas.

Nam mô Đạo tràng Hội thượng Phật, Bồ Tát.

Verehrung der Versammlung allen Praxisort Bodhisattvas und Buddhas.

Biến thực chân ngôn :

Mantra zur Transformation der Speisen.

Namo sarva tathagata avalokite Om sambhara sambhara hūṃ (3 lần)

Biển thủy chân ngôn :

Mantra zur Transformation von Wasser.

Namo sūrābhaya tathāgata tadyathā Om sūrasūrapātra sūrapātra sūra svāha (3 lần)

Các thứ sắc hương vị,

Alle Geschmacksrichtungen, alles Sichtbare,

Trên cúng mười phương Phật,

erst den Buddhas der zehn Richtungen,

Kế dâng các hiền Thánh,

dann allen Göttern,

Sau đến chúng lục đạo,

dannach allen Lebewesen der sechs Daseinsbereiche,

Đều thí không sai biệt,

wird ohne Unterschiede gespendet,

Tùy nguyện đều đầy đủ.

je nach den jeweiligen Bedürfnissen, welche vollkommen in Erfüllung gehen.

Người cúng nay đây,

Der heutige Spender,

Được vô lượng Ba la mật.

wird unendliche Verdienste bekommen.

Tam đức lục vị,

Die drei Tugenden und die sechs Geschmacksrichtungen,

Cúng Phật cùng Tăng,

werden an Buddha und Sangha geopfert,

Pháp giới hữu tình,

alle Lebewesen der Daseinsbereiche,

Rộng đều cúng dường.

erhalten große Opfergaben.

Phổ Cúng Dường chân ngôn :

Mantra zur allgemeinen Opferung:

Om Gagana Sambhava Vajra Hum. (3 lần)

BÀI TÁN PHỔ CÚNG DƯỜNG.

Lobpreisung der Opfergabe

Con nay dâng cúng vị cam lồ,

Heute Opfere ich Nektar,

Số bằng Tu Di cũng chẳng hơn,

nicht weniger als der Berg Meru,

Sắc hương vị ngon biến khắp cùng,

die besten Geschmacksrichtungen entstehen überall,

Xin nguyện thương tưởng mà nhận dùng.

bitte denke an den Spender und akzeptiere die Gabe.

Nam mô Phổ cúng dường Bồ Tát. (3 lần)

Verehrung der Opfergabe Bodhisattva.

Bốn loài, chín cõi, Cùng lên pháp giới Hoa Tạng,

Vier Arten, neun Reiche, mögen alle gleichzeitig das Lotus-Universum erreichen.

Tám nạn, ba đường, Đồng vào biển tánh Tỳ Lô.

Die acht Hindernisse und drei Wege, fließen in den Ozean des Nektars.

Cúng Phật đã xong, Nên nguyện chúng sinh

Mit dem Beenden der Opfergabe gelobe ich allen Lebewesen,

Trong các công việc, đầy đủ Phật pháp.

dass Sie in all Ihren Taten stets Buddha Dharma finden.

PHỤC NGUYỆN

(widmung)

Chủ Lễ nguyện:(Zeremonieleiter spricht:)

Kính lạy chư Phật, chư Bồ Tát, chư Hiền Thánh Chủng ở khắp mười phương pháp giới, xin chứng minh gia bị cho chúng con.

Verehrung aller Buddhas, Bodhisattvas, Götterversammlung der zehn Richtungen des Dharmadhatu, bitte seid als Zeuge bei und segnet uns.

Bởi thiếu nhân lành, chúng con sanh ra trong thời mạt pháp, không thấy được thân sắc vàng của Như Lai, không nghe được pháp âm vi diệu của Như Lai.

Wegen mangelnder heilsamer Bedingungen sind wir in einer Zeit des Dharma-Verfalls geboren, daher können wir Buddhas goldene Erscheinung nicht sehen, sowie deine besonderen Dharma- Unterweisung nicht direkt hören.

Hôm nay nương thần lực chư Phật chúng con tưởng nhớ đến các ngài nên dâng cúng ngọ thực, ngưỡng mong các ngài vì chúng con mà thọ nhận và luôn là phước điền vô tận của chúng con.

Heute durch die Kraft des Buddhas denke ich an alle Buddhas und bringe Opfergaben dar, ich bitte euch diese Opfergaben durch euer Mitgefühl anzunehmen und für uns als unendlich großes Verdienstfeld zu bleiben.

Cũng nguyện chư vị Bồ Tát thường vì chúng con làm thiện hữu tri thức để tất cả phiền não chướng, báo chướng, nghiệp chướng của chúng con sớm được tiêu trừ, cho tâm chúng con là tâm bồ đề, trí chúng con là trí bát nhã.

Auch bitten wir euch Bodhisattvas immer als heilsamer Begleiter uns beizustehen, damit wir alle Leiden, Hindernisse und schlechtes Karma von uns schnell beseitigen können und unser Geist zum Bodhichitta Geist, unsere Weisheit zur Prajna Paramita wird.

LẠI NGUYỆN:

nochmal bitten wir:

Nguyện đem tất cả công đức có được do tu tập các hạnh lành hồi hướng đến mọi chúng sanh, kể oán người thân, vốn đều là cha mẹ con trong nhiều đời nhiều kiếp đều nương theo Tam Bảo, phát nguyện tu trì giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, mau thành đạo vô thượng chánh chân.

Unsere Verdienste durch Dharma-Praxis und alle heilsamen Taten widmen wir allen Lebewesen, gleich ob uns nah oder fern, sie alle waren schonmal unsere Eltern in vergangenen Leben.

Mögen sie alle den Wunsch äußern Zuflucht zunehmen, die Silas, Geistesruhe, Weisheit und Erlösung zu praktizieren um schnell die vollkommene Erleuchtung erlangen.

Nguyện tất cả các hương linh đều nương nơi nguyện lực đức Phật A Di Đà, sớm được vãng sanh về cảnh giới Cực Lạc.

Mögen alle Geister sich an die Kraft der Gelübde Amitabhas richten und schnell im reinen Land wiedergeboren werden.

RỘNG NGUYỆN:

Rộng nguyện, kẻ thác vãng sanh, người còn an lạc, tình và vô tình đồng thành phật đạo.

letztendlich bitten wir, dass alle verstorbenen im reinen Land wiedergeboren werden, alle noch lebenden Glückseligkeit erfahren, alle fühlende und nicht fühlende Lebewesen die Buddhaschaft erlangen.

Nam Mô A Di Đà Phật.

TAM TỰ QUY Y

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sinh, thể theo đạo cả, phát lòng vô thượng.(1 lạy)

Ich nehme Zuflucht zum Buddha und gelobe allen Lebewesen zu helfen den großen Pfad zu ergründen und zu verstehen, damit sie die unübertreffliche Geisteshaltung verwirklichen.

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sinh, sâu vào kinh tạng, trí huệ như biển.(1 lạy)

ich nehme Zuflucht zum Dharma und gelobe allen Lebewesen zu helfen tief in den Sutra-Schatz einzudringen, damit ihre Weisheit so unermesslich wie der Ozean wird.

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sinh, thống lý đại chúng, thủy đều không ngại.

Ich nehme Zuflucht zum Sangha und gelobe allen Lebewesen zu helfen sich zu einer großen Gemeinschaft zusammenzuschließen, damit Sie keinerlei Hindernisse auf dem Weg zur Buddhaschaft erfahren.

HỒI HƯƠNG

Công đức tụng kinh hạnh lớn nhất,

Die, durch die Verdienste der Rezitation erlangten ausgezeichneten Tugenden

Bao nhiêu phước báu đều hồi hương,

und das grenzenlos ausgezeichnete Glück, möchte ich nun sämtlich widmen.

Rộng nguyện chúng sanh trong pháp giới,

Mögen alle Lebewesen des Dharmadatu,

Mau về cõi Phật Vô Lượng Quang,

schnell ins Land des Amitabha geboren werden.

Nguyện tiêu ba chướng trừ phiền não,

mögen sie frei von den drei Hindernissen und Leidenschaften sein,

Nguyện chân trí tuệ thường sáng tỏ,

mögen sie die wahrhaft strahlende und durchscheinende Weisheit erlangen,

Nguyện bao tội chướng thủy tiêu trừ,

mögen sie alle Unheilsamkeiten und Hindernisse beseitigen und vernichten,

Kiếp kiếp thường tu Bồ Tát Đạo.

Möge von Generation zu Generation beständig der Bodhisattva-Pfad geübt werden.

Nguyện sanh Tịnh Độ cảnh phương tây,

Mögen wir im westlichen Reinen Land wiedergeboren werden,

Chín phẩm hoa sen là cha mẹ,

in dem der Lotus der Neun Stufen zu unseren Eltern wird

Sen nở thấy Phật chứng vô sanh,

öffnet sich der Lotus, sehen wir den Buddha und erlangen Nicht-mehr-Geburt,

Bồ Tát bất thối, làm bạn lữ.

Die Aryas werden unsere Freunde.

Nguyện đem công đức này,

Mögen diese Verdienste

Hướng về khắp tất cả,

auf alle Wesen übertragen werden.

Đệ tử và chúng sanh,

Đều trọn thành Phật Đạo.

Mögen wir alle gemeinsam die vollkommene Buddhaschaft verwirklichen.

**Ba Hai (32) Tướng Tốt Trang Nghiêm Thân, Đều Từ Vô Lượng Kiếp Tu Nhân,
Mặt Như Trăng Sáng Mắt Như Sen, Người Trời Cung Kính Đồng Đảnh Lễ.**

32 heilsame Kennzeichen schmücken den Körper, diese kommen von unendlich angesammelten Samen, sein Gesicht ist wie der Vollmond und seine Augen sind wie Lotusblätter, Menschen und Götter verehren ihn und werfen sich vor ihm nieder.

Nguyện vì công ân quốc gia thủy thổ cùng ân sanh thành dưỡng dục của mẹ
cha,

Nhất tâm đảnh lễ: Nam Mô Hiện Tọa Đạo Tràng Thuyết Kinh Bản Sư Thích
Ca Mâu Ni Phật. *(Hay)*

Mögen wir, aus Dankbarkeit, für das Mutterland und für unsere Eltern, welche uns zur Welt gebracht und erzogen haben, uns aus tiefstem Herzen verneigen:

Namo der zurzeit auf dem Thron sitzende, Belehrung gebende Guru Buddha Shakyamuni.

Nguyện vì công ân Thầy Tổ Thiện Hữu Tri Thức Giáo Huấn cùng ân cúng dường hộ trì Tam Bảo của Đàn Na Tín Chủ.

Nhất tâm đánh lễ: Nam mô Long Hoa giáo chủ đương lai hạ sinh từ thị Di Lặc Tôn Phật. *(1lay)*

Mögen wir, aus Dankbarkeit, für unsere Meister und Patriarchen, sowie für alle Spirituellen- Freunde und die an die drei Juwelen spendenden und unterstützenden Gläubigen.

Aus tiefstem Herzen verneige ich mich: Namô Herr der Drachenwelt, zukünftig geborener Buddha Maitreya.

Nguyện vì chúng sanh đang chịu khổ trong tam đồ cùng luân hồi trong lục đạo.

Nhất tâm đánh lễ: Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật. *(1lay)*

Mögen wir für leidende Lebewesen in den drei Welten, der sechs Daseinsbereiche Samsaras uns aus tiefstem Herzen verneigen: Namô dem äußerst gütigen und mitfühlenden Buddha Amitabha in der westlichen Welt der höchsten Freude.

